

CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH

Địa chỉ: 254 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: VND				
TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		149,552,781,809	- 143,661,579,059
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	24,749,066,212	- 52,060,767,806
1. Tiền	111		23,749,066,212	52,060,767,806
2. Các khoản tương đương tiền	112		1,000,000,000	
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		6,600,000,000	- -
1. Đầu tư ngắn hạn	121		6,600,000,000	
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		48,431,562,298	- 47,721,905,075
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	33,105,726,973	29,920,607,173
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	7,403,906,881	8,800,853,803
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	8,500,882,047	9,383,452,491
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.5	(578,953,603)	(383,008,392)
IV. Hàng tồn kho	140		66,033,229,731	- 40,587,956,938
1. Hàng tồn kho	141	V.6	74,990,119,695	48,537,216,463
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.7	(8,956,889,964)	(7,949,259,525)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3,738,923,568	- 3,290,949,240
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	317,016,586	338,600,306
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		422,926,971	937,727,433
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		559,648,925	
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.9	2,439,331,086	2,014,621,501

CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH

Địa chỉ: 254 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh		
			Số cuối quý	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		114,520,201,704	- 109,192,018,203
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		11,116,448,000	- 12,545,075,000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.10	11,116,448,000	12,545,075,000
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	
II. Tài sản cố định	220		86,941,378,511	- 89,329,020,539
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	22,204,715,708	- 19,088,800,767
Nguyên giá	222		32,963,199,993	27,911,560,929
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(10,758,484,285)	(8,822,760,162)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	64,276,980,985	- 64,460,219,772
Nguyên giá	228		64,476,081,739	64,553,005,026
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(199,100,754)	(92,785,254)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.13	459,681,818	5,780,000,000
III. Bất động sản đầu tư	240		6,601,699,101	- -
Nguyên giá	241		6,601,699,101	
Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		6,528,300,000	- 6,226,800,000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.14	6,528,300,000	6,226,800,000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	
V. Lợi thế thương mại	260		-	- -
V. Tài sản dài hạn khác	270		3,332,376,092	- 1,091,122,664
1. Chi phí trả trước dài hạn	271	V.15	1,943,531,731	630,407,949
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272	V.16	748,856,761	209,336,315
3. Tài sản dài hạn khác	273	V.17	639,987,600	251,378,400
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		264,072,983,513	252,853,597,262

CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH

Địa chỉ: 254 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh		
			Số cuối quý	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		85,043,111,463	- 102,522,847,397
I. Nợ ngắn hạn	310		84,930,625,533	- 102,435,222,767
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		11,123,540,896	
2. Phải trả người bán	312	V.18	59,567,800,900	74,245,810,744
3. Người mua trả tiền trước	313	V.19	526,521,551	3,455,380,398
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.20	5,812,484,224	15,430,506,181
5. Phải trả người lao động	315	V.21	5,637,209,524	7,517,178,181
6. Chi phí phải trả	316		204,192,565	255,000,000
7. Phải trả nội bộ	317		-	
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.22	2,058,875,873	1,531,347,263
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	
II. Nợ dài hạn	330		112,485,930	- 87,624,630
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.23	112,485,930	87,624,630
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		151,824,196,535	- 123,116,094,407
I. Vốn chủ sở hữu	410		148,850,398,383	- 119,915,598,840
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.24	90,182,670,000	82,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.24	2,572,620,000	2,572,620,000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	
4. Cổ phiếu quỹ	414		(2,206,190,840)	
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.24	1,389,495,895	1,389,495,895
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.24	4,851,574,485	4,996,721,689
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.24	52,060,228,843	28,956,761,256
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		2,973,798,152	- 3,200,495,567
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431	V.25	2,973,798,152	3,200,495,567
2. Nguồn kinh phí	432		-	
3. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	
C- LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	500		27,205,675,515	- 27,214,655,458
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		264,072,983,513	252,853,597,262
			-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH

Địa chỉ: 254 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại (USD)		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 01 năm 2009

Nguyễn Đông Phương
Kế toán trưởng

David Cam Hao Ong
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT						
(Dạng đầy đủ)						
Quý 4 Năm 2008						
Đơn vị tính: VND						
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý này năm nay	Lũy kế năm nay	Quý này năm trước	Lũy kế năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	184,471,185,457	897,405,295,577	257,895,408,716	612,147,485,564
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	4,938,335,968	17,630,076,123	4,810,155,565	14,464,301,454
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	179,532,849,489	879,775,219,454	253,085,253,151	597,683,184,110
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	136,832,139,037	710,848,518,919	205,303,029,113	474,706,337,618
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		42,700,710,452	168,926,700,535	47,782,224,038	122,976,846,492
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	695,635,511	3,974,795,146	1,129,856,671	2,865,992,238
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	2,523,220,541	5,925,521,644	(650,609,620)	177,127,105
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-	-	-
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	19,205,764,728	51,812,700,634	20,534,202,406	44,048,067,397
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	13,023,628,490	38,238,975,686	10,728,590,852	27,278,636,501
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		8,643,732,204	76,924,297,717	18,299,897,071	54,339,007,727
11. Thu nhập khác	31	VI.7	2,506,017,794	3,514,709,299	107,010,409	1,403,568,859
12. Chi phí khác	32	VI.8	2,498,968,319	3,563,834,573	312,283,545	1,452,519,886
13. Lợi nhuận khác	40		7,049,475	(49,125,274)	(205,273,136)	(48,951,027)
14. Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết liên doanh	50		-	-	-	1,695,855,487
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	60		8,650,781,679	76,875,172,443	18,094,623,935	55,985,912,187
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	61	V.19	3,449,830,053	23,148,156,182	6,133,206,687	16,494,435,389
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	62	VI.9	(748,856,761)	(1,652,198,465)	(209,336,315)	(209,336,315)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	70		5,949,808,387	55,379,214,726	12,170,753,563	39,700,813,113
18.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số			(1,075,974,454)	8,230,778,447	1,551,012,530	4,498,100,344
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ			7,025,782,841	47,148,436,279	10,619,741,033	35,202,712,769
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	80	VI.10				5,451

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 01 năm 2009

Nguyễn Đông Phương
Kế toán trưởng

David Cam Hao Ong
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 4 Năm 2008

				Đơn vị tính: VND
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ đầu năm đến quý này	Cùng kỳ năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		76,875,172,443	55,985,912,187
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.11, 12	4,892,187,192	3,829,536,036
- Các khoản dự phòng	03		1,203,575,650	594,615,579
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	57,298,800
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1,122,516,321)	(3,091,680,955)
- Chi phí lãi vay	06		-	
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		81,848,418,964	57,375,681,647
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(296,960,865)	(7,707,018,314)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(26,452,903,232)	(3,566,767,358)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(28,603,276,830)	18,607,100,381
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1,291,540,062)	(207,118,529)
- Tiền lãi vay đã trả	13		-	
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.20	(30,176,991,730)	(10,159,301,995)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		4,388,457,615	13,936,646,743
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(371,844,619)	(8,541,075,534)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(956,640,759)	59,738,147,041
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(14,569,837,969)	(67,710,523,069)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	1,113,636,364
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(48,600,000,000)	(34,241,418,224)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		44,000,000,000	50,736,762,150
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(883,900,000)	(4,926,800,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		16,023,321,918	1,396,879,000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(4,030,416,051)	(53,631,463,779)

CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH

Địa chỉ: 254 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính					
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		10,664,479,160	45,203,020,000
2.	Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(2,206,190,840)	-
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		11,123,540,896	
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(41,906,474,000)	(15,061,576,500)
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(22,324,644,784)</i>	<i>30,141,443,500</i>
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(27,311,701,594)	36,248,126,762
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	V.1	52,060,767,806	15,811,393,044
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	1,248,000
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	24,749,066,212	52,060,767,806
				-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 01 năm 2009

Nguyễn Đông Phương
Kế toán trưởng

David Cam Hao Ong
Tổng Giám đốc